

# TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGUYỄN DU

Website: [www.Caodangnguyenduc.edu.vn](http://www.Caodangnguyenduc.edu.vn)

Email: [vhittl@nguyenduc.edu.vn](mailto:vhittl@nguyenduc.edu.vn)

Địa chỉ: Số 12, đường Hoàng Xuân Hãn, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393 885 480 - 02393 767 266

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM HỌC 2021 - 2022

| TT                   | Các ngành nghề đào tạo                    | Mã ngành | Chỉ tiêu   | Học phí/ học kỳ | Thời gian đào tạo | Đối tượng tuyển sinh                                                                        | Hình thức tuyển sinh                             | Thời gian tuyển sinh   |
|----------------------|-------------------------------------------|----------|------------|-----------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------|
| <b>I. Cao đẳng</b>   |                                           |          | <b>80</b>  |                 |                   |                                                                                             |                                                  |                        |
| 1                    | Thanh nhạc                                | 6210225  | 10         | 4.700.000       | 2,5 năm           | Cao đẳng: Tốt nghiệp THPT, BVH hoặc đã học đủ chương trình THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT. | Xét điểm học bạ lớp 12 THPT, BVH hoặc lớp 9 THCS | Thường xuyên trong năm |
| 2                    | Hội họa                                   | 6210103  | 10         | 4.700.000       | 2,5 năm           |                                                                                             |                                                  |                        |
| 3                    | Quản lý văn hóa                           | 6340436  | 15         | 4.700.000       | 2,5 năm           |                                                                                             |                                                  |                        |
| 4                    | Hướng dẫn du lịch                         | 6810103  | 15         | 4.700.000       | 2,5 năm           |                                                                                             |                                                  |                        |
| 5                    | Quản trị khách sạn                        | 6810201  | 15         | 4.700.000       | 2,5 năm           |                                                                                             |                                                  |                        |
| 6                    | Kỹ thuật chế biến món ăn                  | 6810207  | 15         | 4.700.000       | 2,5 năm           |                                                                                             |                                                  |                        |
| <b>II. Trung cấp</b> |                                           |          | <b>845</b> |                 |                   |                                                                                             |                                                  |                        |
| 1                    | Thanh nhạc                                | 5210225  | 80         | 4.100.000       | 2 năm             | Trung cấp: Tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương                                           |                                                  |                        |
| 2                    | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống            | 5210216  | 15         | 4.100.000       | 2 năm             |                                                                                             |                                                  |                        |
| 3                    | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 5210207  | 40         | 4.100.000       | 2 năm             |                                                                                             |                                                  |                        |
| 4                    | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây              | 5210217  | 100        | 4.100.000       | 2 năm             |                                                                                             |                                                  |                        |
| 5                    | Nghệ thuật biểu diễn dân ca               | 5210202  | 60         | 4.100.000       | 2 năm             |                                                                                             |                                                  |                        |
| 6                    | Hội họa                                   | 5210103  | 35         | 4.100.000       | 2 năm             |                                                                                             |                                                  |                        |
| 7                    | Thiết kế đồ họa                           | 5210402  | 30         | 4.100.000       | 2 năm             |                                                                                             |                                                  |                        |
| 8                    | Quản trị khách sạn                        | 5810201  | 30         | 4.100.000       | 1,5 - 2 năm       | Liên thông trung cấp: Tốt nghiệp sơ cấp, bồi dưỡng ngắn hạn cùng nhóm ngành nghề            | Xét điểm học bạ lớp 12 THPT, BVH hoặc lớp 9 THCS | Thường xuyên trong năm |
| 9                    | Kỹ thuật chế biến món ăn                  | 5810207  | 310        | 4.100.000       | 1,5 - 2 năm       |                                                                                             |                                                  |                        |

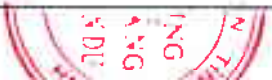
|    |                               |         |    |           |             |  |  |
|----|-------------------------------|---------|----|-----------|-------------|--|--|
| 10 | Hướng dẫn du lịch             | 5810103 | 35 | 4.100.000 | 1,5 - 2 năm |  |  |
| 11 | Nghiệp vụ lễ tân              | 5810203 | 45 | 4.100.000 | 1,5 - 2 năm |  |  |
| 12 | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 5810205 | 30 | 4.100.000 | 1,5 - 2 năm |  |  |
| 13 | Chăm sóc sắc đẹp              | 5810404 | 35 | 4.100.000 | 1,5 - 2 năm |  |  |

### III. Sơ cấp

|    |                              |     |           |         |                                                                       |                        |                                         |
|----|------------------------------|-----|-----------|---------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|
|    |                              | 570 |           |         |                                                                       |                        |                                         |
| 1  | Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch  | 35  | 3.264.000 | 3 tháng | Tất cả các đối tượng có nhu cầu, có sức khỏe phù hợp với nghề đăng ký | Xét theo phiếu đăng ký | Tuyển sinh và mở lớp liên tục trong năm |
| 2  | Kỹ thuật chế biến món ăn     | 200 | 4.293.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 3  | Nghiệp vụ lễ tân             | 60  | 4.293.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 4  | Nghiệp vụ nhà hàng           | 60  | 3.264.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 5  | Nghiệp vụ buồng              | 35  | 3.264.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 6  | Hội họa                      | 30  | 3.264.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 7  | Thanh nhạc                   | 30  | 3.264.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 8  | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | 30  | 3.264.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 9  | Nghiệp vụ Du lịch            | 60  | 4.293.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 10 | Tiếng Anh du lịch            | 30  | 3.264.000 | 3 tháng |                                                                       |                        |                                         |

### IV. Đào tạo ngắn hạn

|   |                                                  |     |           |         |                                                                       |                        |                                         |
|---|--------------------------------------------------|-----|-----------|---------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|
|   |                                                  | 345 |           |         |                                                                       |                        |                                         |
| 1 | Kỹ thuật pha chế các loại thức uống cho quầy Bar | 35  | 2.999.000 | 2 tháng | Tất cả các đối tượng có nhu cầu, có sức khỏe phù hợp với nghề đăng ký | Xét theo phiếu đăng ký | Tuyển sinh và mở lớp liên tục trong năm |
| 2 | Nghệ thuật biểu diễn dân ca                      | 35  | 3.201.000 | 2 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 3 | Thiết kế đồ họa                                  | 35  | 3.201.000 | 2 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 4 | Chăm sóc da                                      | 35  | 3.201.000 | 2 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 5 | Tiếng Anh du lịch                                | 35  | 3.201.000 | 2 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 6 | Make up cơ bản                                   | 35  | 3.201.000 | 2 tháng |                                                                       |                        |                                         |
| 7 | Vẽ móng cơ bản                                   | 35  | 3.201.000 | 2 tháng |                                                                       |                        |                                         |



|   |                                                                                                                                                       |     |               |         |                                                                           |                        |                                         |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|
| 8 | Năng khiếu tuổi nhỏ: Thanh nhạc; Nhạc cụ (Guitar, Piano, Organ, Bầu, Tranh, Tam thập lục); Dân ca; Múa; Vũ quốc tế; Aerobic; Hội họa; Thiết kế đồ họa | 100 | 70.000/1 buổi | 2 tháng | Năng khiếu tuổi nhỏ: Từ 6 đến 14 tuổi yêu nghệ thuật, du lịch, làm đẹp... | Xét theo phiếu đăng ký | Tuyển sinh và mở lớp liên tục trong năm |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|

Ghi chú:

- Hệ trung cấp thời gian đào tạo 1,5 năm đối với học sinh tốt nghiệp THPT, 2 năm đối với học sinh tốt nghiệp THCS.
- **Miễn 100% học phí:** + Học sinh tốt nghiệp THCS vào học trung cấp  
+ Học sinh tốt nghiệp THCS, THPT học các ngành nghề Nghệ thuật biểu diễn dân ca, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc.

Điện thoại liên hệ: 02393 885 480 - 02393 767 266; 091 209 9917

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

